

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2017/HSPT

Ngày 10-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Học

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HSPT ngày 02 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Lê Thanh P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thanh P**, sinh ngày 28/02/1993 tại Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Số chứng minh nhân dân: 321450xxx; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Con ông Lê Văn S và bà Ngô Thị Thu T; Vợ: Võ Thị Thúy A; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh P và Trần Phương Châu Y nhà ở cùng ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chiều ngày 03/11/2016, P sử dụng điện thoại di động số 01628559xxx gọi cha của Y là ông Trần Minh N chở P từ chợ M về nhà P. Sau khi về nhà, P dùng điện thoại di động số 01636382xxx gọi cho ông N nhưng không nói chuyện và nhắn tin đe dọa hãm hại Y. Chiều ngày 04/11/2016, P sử dụng số điện thoại 01636382xxx tiếp tục nhắn tin cho ông N đe dọa không để yên cho Y. Ông N điện thoại báo cho Y (đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh) biết có số điện thoại 01636382xxx nhắn tin vào máy ông N đe dọa Y. Y sử dụng điện thoại di động số 01652477xxx gọi vào số

01636382xxx để hỏi ai đã nhắn tin đe dọa Y, Y chửi P, P nghe máy nhưng không nói chuyện. P sử dụng 02 số điện thoại: 01636382xxx và 01664962xxx nhắn tin với nội dung: có người thuê P tạt axit Y với giá 5.000.000 đồng, nếu Y không đưa cho P 10.000.000 đồng P sẽ giết cha của Y. Y sợ P sẽ hãm hại Y và gia đình nên đồng ý giao 10.000.000 đồng cho P. P hẹn Y giao 10.000.000 đồng cho P lúc 09 giờ ngày 05/11/2016 tại nhà xe M ở quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Y giao 10.000.000 đồng thông qua nhà xe M, nhà xe M giao tiền cho P tại thành phố B). P thuê xe ôm là anh Phạm Hữu T đến nhận 10.000.000 đồng do người quen gửi về cho P tại nhà xe M ở thành phố B. Anh T đến nhà xe M tại thành phố B chờ nhưng không thấy ai giao tiền nên bỏ về. Đồng thời, cũng trong thời gian này, Y đã đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố cáo hành vi đe dọa để chiếm đoạt tiền của P.

Tang vật tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu TELEGO Xxx, màu đen, số Imel: 862061029156xxx; 862061029156xxx; 02 sim điện thoại di động: số 01628559xxx và số 01636382xxx; 01 con dao cán gỗ dài 11cm, lưỡi kim loại dài 11,5cm, lưỡi dao rộng 1,8cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 18; Điều 52; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh P 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2017, bị cáo Lê Thanh P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thanh P 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Lê Thanh P liên tục sử dụng nhiều số điện thoại để gọi và nhắn tin đe dọa sẽ tạt axit Trần Phương Châu Y và giết chết cha của Y để nhằm chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đã có hành vi uy hiếp tinh thần của người bị hại bằng thủ đoạn nhắn tin đe dọa sẽ dùng vũ lực để người bị hại lo sợ phải giao tiền cho bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Lê Thanh P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: trước khi phạm tội bị cáo là công dân tốt, chưa vi phạm pháp luật; bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; Người bị hại yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng do cuộc sống đang gặp khó khăn nên nhất thời phạm tội, người bị hại đã tha thứ cho lỗi lầm của bị cáo. Xét thấy, những lý lẽ mà bị cáo đưa ra để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới có ý nghĩa trong việc xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, không có cơ sở để cho hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 18; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 52 Bộ luật Hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm: xử phạt bị cáo Lê Thanh P 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Lê Thanh P phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND và Công an huyện Giồng Trôm (2b);
- TAND huyện Giồng Trôm (3b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- UBND xã C (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA.
- Lưu: VP, HSVA(6b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Quang Sơn